| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỊNH QUÁN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 9 năm 2022
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Thái

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đình Hưng và bà Nguyễn Thị Quy

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thùy Trang- Thư ký Tòa án.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Kim Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Định Quán mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022. Giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 2, ấp X, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 2, ấp X, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(*Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 của nguyên đơn, bản tự khai ông Nguyễn Văn L trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, ông và bà Nguyễn Thị G kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/02/1993. Vợ chồng ông sống hạnh phúc khoảng 19 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng hay cãi nhau và chửi bới lẫn nhau, bà cho rằng ông ngoại tình nên ông đã ly thân với bà từ năm 2012 đến nay. Tình trạng vợ chồng mâu thuẫn rất trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị G

-Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà G có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 10/12/1994. Hiện nay con chung đã thành niên, có

khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết về nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Định Quán xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị G

Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 10/12/1994 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xét không xem xét, không giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Ông L phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị G, yêu cầu được nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật là: “Ly hôn ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị G, do đó xác định ông L là nguyên đơn, bà G là bị đơn.

[**2**] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà G là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3**] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhận thấy: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị G tự nguyện sống chung với nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn tại X, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/02/1993 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp;

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn L: Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông L cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa ông L và bà G từ năm 2012 đến nay đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống

chung của vợ chồng. Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống chung với nhau***". Tuy nhiên, kể từ khi ông L, bà G không còn sống chung với nhau thì hai người cũng không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng ông L, bà G thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Qua xem xét lời trình bày của ông L và chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng ông L bà G thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa ông L, bà G đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L, giải quyết cho ông L được ly hôn với bà G theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[**4**] Về con chung: Xét thấy, ông và bà G có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 10/12/1994. Hiện nay cháu C đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị HĐXX không xem xét.

**[5]** Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

**[6]** Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

**[7]** Về án phí: ông Lập phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 11, 40 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 19, 51, 56, 58, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị G

- Về con chung: cháu Nguyễn Thành Công, sinh ngày 10/12/1994 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn L nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L nộp (biên lai

thu số 003445 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được khấu trừ thành tiền án phí. Ông L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Định Quán;
- Thi hành án dân sự H.Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Thái**